

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2019

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh;
2. Bà Bùi Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24-9-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Đoàn T T, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Khóm 3, TRSR, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2013, chị L và anh T có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T lâm vào tệ nạn xã hội, mặc dù chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đi dần rạn nứt có tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc. Nay chị L làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- + Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L xin được ly hôn với anh Đoàn T T.
- + Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời trình bày của anh Đoàn T T trong quá trình giải quyết vụ án: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị L là vào năm 2013, anh T và chị L có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nên anh T thống nhất theo lời trình bày của chị L.

- + Về hôn nhân: Anh Đoàn T T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.
- + Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn T T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị L và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Phú ngày 16-7-2019 và UBND thị trấn Sa Rài ngày 16-7-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp L.

...”

Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“... ”

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ L và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: chị L và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn T T là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn T T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị L phải chịu

300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Anh Đoàn T T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn T T là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn T T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008176 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đoàn T T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Mỹ Hương